



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 2002/2025/TN-ETSC                                                               | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b>                                                                                                                                                                                                    | Ngày/ Date: 03/07/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2</b><br><b>CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN –</b><br><b>NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI BÁCH KHOA Á CHÂU 1</b>                                                                                                             |                                            |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br>Place of test:                                                | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                                                                                                                                           |                                            |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br>Object:                                                     | Đầu thử điện cao thế<br>High voltage detector                                                                                                                                                                                                                       |                                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                         | 01 Thiết bị/ 01 Equipment                                                                                                                                                                                                                                           |                                            |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br>Method of testing:                                        | - TN/QT-01;<br>- Theo yêu cầu của khách hàng/ At the request of customers;<br>- Tài liệu NSX/ Manufacturer's documentation.                                                                                                                                         |                                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                             | 01÷02/07/2025                                                                                                                                                                                                                                                       |                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                 | Loại/ Type: HVT Hv-Pro<br>Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA<br>Dải điện áp kiểm tra/ Range voltage check: LOW: 30V÷1,5kVAC<br>HIGH: 6÷122kVAC<br>Tần số/ Frequency: 50/60 Hz<br>Số quản lý/ Serial No: Không rõ/ NA<br>Nhà sản xuất/ Manufacture: HPT |                                            |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br>Testing equipment:                                        | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                                                                                                                                             |                                            |
| 9. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                                                                                                                                     |                                            |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br>Testing result:                                              | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                                                                                                                                                      |                                            |
| 11. Tem thử nghiệm:<br>Testing stamp No:                                                | 1402/25/ETSC                                                                                                                                                                                                                                                        |                                            |
| 12. Kết luận:<br>Conclusion                                                             | Đầu thử điện cao thế nêu trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / The above<br>h.v.proximity detector meets technical standards                                                                                                                                               |                                            |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 07/2026<br>Recommended next testing period: |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                            |
| Người Thực Hiện<br>Executor<br><br>Nguyễn Đức Tiến Luyện                                | <br>Giám Đốc<br>Director<br>Nguyễn Quốc Hoàn                                                                                                                                                                                                                        |                                            |

TN/QT-01/M1

Ban hành lần 2



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**CERTIFICATE OF TESTING**

Ngày/ Date: 03/07/2025  
Trang/ Page: 2/2

Số/ No: 2002/2025/TN-ETSC

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                                | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                                 | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/<br>Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                            | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng đo<br>The object of measurement | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>(MΩ) | Kết quả đo<br>Measurement results (MΩ) | Đánh giá<br>Assess |
|-------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|
| Đầu tiếp xúc - Vỏ<br>Contact head - Case  | > 1.000                                  | > 50.000                               | Đạt/ Pass          |

**10.3 Kiểm tra kỹ thuật/ Technical check:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV) | Kết quả<br>Result                                                               | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1         | LOW: 30V÷1,5kVAC                 | 0,24kV                                   | Thiết bị báo/ Alarm device:<br>- Chớp đèn/ Flashing lights<br>- Âm thanh/ Sound | Đạt/ Ok            |
| 2         |                                  | 1kV                                      |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 3         | HIGH: 6÷122kVAC                  | 6kV                                      |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 4         |                                  | 11kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 5         |                                  | 22kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 6         |                                  | 33kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 7         |                                  | 69kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 8         |                                  | 122kV                                    |                                                                                 | Đạt/ Ok            |